

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 357/2022/DS-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 690/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 771/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: Đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn An K (Theo văn bản ủy quyền số: 077894.22 ngày 08/9/2022)

Bị đơn:

1/ Ông Dương Văn T, sinh năm: 1959

2/ Bà Ngô Thị H, sinh năm: 1959

Cùng địa chỉ: Đường X1, phường Y1, quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Di A (tên gọi khác Lê Quang T)

Địa chỉ: Đường X2, phường Y2, quận Z2, Thành phố Hồ Chí Minh

(Ông K, ông T và ông A có mặt, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 12 năm 2020 và tại các buổi làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/6/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh Quận 2 – Phòng giao dịch Tân Phú (VIB) ký với ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H theo hợp đồng tín dụng số 4993086.19 ngày 13/6/2019 với nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cho ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H vay số tiền 430.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Vay mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại Vios, biển kiểm soát: 51H-528.99, theo Hợp đồng mua bán số 0625TAS19-HDMB, mục đích sử dụng: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 14/6/2019 đến ngày 13/6/2024; lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,2%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,2%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng 7.166.000 đồng vào cùng ngày trả lãi, phần còn lại trả cuối kỳ. Ngày trả lãi hằng tháng vào ngày 13, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 13/07/2019.

Ngày 13/06/2019, VIB đã giải ngân cho ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 4993086(1).19 với số tiền 430.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy VIB đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 13/02/2020.

Tính đến ngày 27/9/2022, ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H đã thanh toán cho VIB số tiền là 72.341.772 đồng (gốc: 50.262.000 đồng, lãi: 22.079.772 đồng).

Tính đến ngày 27/9/2022, ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền: 565.729.230 (Bằng chữ: năm trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn hai trăm ba mươi) đồng, trong đó gồm có: Nợ gốc là: 379.738.000 đồng, nợ lãi : 2.922.654 đồng; nợ lãi quá hạn: 183.068.577 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu Tòa án :

1. Buộc ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H trả ngay cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 27/9/2022 là 565.729.230 (Bằng chữ: năm trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn hai trăm ba mươi) đồng, trong đó gồm có: Nợ gốc là: 379.738.000 đồng, nợ lãi : 2.922.654 đồng; nợ lãi quá hạn: 183.068.577 đồng.

2. Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tính dụng, Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP A.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H cùng trình bày:

Năm 2019, theo đề nghị của ông Lê Di A (tên gọi khác Lê Quang Trung) có nhờ ông T và bà H đứng tên vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần A để mua xe trả góp, do Trung không có hộ khẩu ở Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 4993086.19 ngày 13 tháng 6 năm 2019. Nay ông Lê Quang Trung không thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên ông T và bà H sẽ có trách nhiệm tìm Trung để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có ông Nguyễn An Khánh trình bày: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H phải thanh toán cho ngân hàng trong thời gian sớm nhất tối đa là 02 đến 03 tháng, hạn chót là 27/12/2022, số tiền còn nợ tính đến ngày 27/09/2022 là 565.729.230 đồng. Ngoài ra ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H còn phải thanh toán tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 28/9/2022 tính trên số nợ gốc cho đến khi ông T và bà H trả hết số nợ trên. Đối với tài sản đảm bảo thì ngân hàng không yêu cầu phát mãi.

- Bị đơn ông Dương Văn T trình bày: Tôi đề nghị được trả nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trong thời hạn 02 đến 03 tháng. Sau đó xin ngân hàng cứu xét cho tôi được giảm tiền lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Di A (Lê Quang Trung) trình bày: Ông T và bà H có vay giúp cho tôi số tiền 430.000.000 đồng để mua xe ô tô, nay tôi xin ngân hàng và Tòa án đồng ý cho tôi được thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông T và bà H.

- Bị đơn bà Ngô Thị H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Thẩm phán thực hiện chưa đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn gửi hồ sơ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát quận Tân Phú không đúng theo quy định khoản 2 điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự khác từ khi thụ lý đến khi xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 468 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2017.

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01 của Hội đồng thẩm phán ngày 11/01/2019.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Về án phí: Bị đơn phải chịu và tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 4993086.19 ngày 13 tháng 6 năm 2019, được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A với ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H và Đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Dương Văn T và Ngô Thị H có hộ khẩu thường trú và hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ: 87 Lê Liễu, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Ngô Thị H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay bà Ngô Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều

238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngô Thị H.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Xét đơn khởi kiện, hợp đồng tín dụng số: 4993086.19 ngày 13/6/2019; các lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và lời khai của ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H có đủ cơ sở để xác định: Ngày 13/6/2019, ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng số 4993086.19 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A để vay số tiền là 430.000.000 đồng, mục đích vay vốn mua xe oto, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân 9.2%/năm.

[2.1] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng:

Hội đồng xét xử xét thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận phù hợp và không trái quy định pháp luật, có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2] Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Thực hiện hợp đồng tín dụng số 4993086.19 ngày 13/6/2019 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A với ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã giải ngân số tiền 430.000.000 đồng cho ông Dương Văn T theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 4993086(1).19 ngày 13/6/2019. Ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H đã nhận đủ số tiền trên. Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng, ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng tín dụng, gây khó khăn cho nguyên đơn nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 27/9/2022 là: 565.729.230 đồng (trong đó nợ gốc: 379.738.000 đồng; nợ lãi: 2.922.654 đồng; lãi quá hạn: 183.068.577 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.3] Xét việc ông Lê Di A xin được trả nợ thay cho ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H: Hội đồng xét xử xét thấy trong hợp đồng tín dụng và các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp không có tài liệu hay văn bản nào thể hiện ông Lê Di A bảo lãnh cho khoản vay của ông T và bà H cũng như không có văn bản nào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đồng ý cho ông Lê Di A (Lê Quang Trung) trả nợ thay cho ông T và bà H. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng cũng không đồng ý cho ông Lê Di A trả nợ thay cho ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H, do đó không có cơ sở để chấp nhận việc ông Lê Di A trả nợ thay cho ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H.

[2.3] Về yêu cầu đối với nợ lãi:

Căn cứ vào Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, mục 1.4 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên thì bên vay phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Do đó ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 28/9/2022 trên số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng

[2.4] Về phương thức và thời hạn thanh toán:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H thanh toán trong thời hạn sớm nhất, tối đa là 02 đến 03 tháng. Hạn chót là vào ngày 27 tháng 12 năm 2022 phải thanh toán hết số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[2.5] Sau khi ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T và bà H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 479868 đứng tên ông Dương Văn T.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của Pháp luật và nội dung vụ án nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 565.729.230 đồng, do đó ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H phải chịu án phí là 26.629.169 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế số tiền tạm ứng án phí là 10.707.967 (mười triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0071628 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; điểm

b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 27/9/2022 là: 565.729.230 (năm trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn hai trăm ba mươi) đồng.

Kể từ ngày 28/9/2022 ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 4993086.19 ngày 13/6/2019 đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

Thời hạn thi hành: hạn chót thi hành là vào ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Sau khi ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T và bà H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 479868 đứng tên ông Dương Văn T.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Văn T và bà Ngô Thị H phải chịu 26.629.169 (hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn một trăm sáu mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 10.707.967 (mười triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0071628 ngày 12/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Tô Thị Ngọc Phượng

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA